

Số: /2024/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO 1

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương
ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo
và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về
tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung
ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã
hội và Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về việc tiếp tục
thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của
Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội;*

*Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/02/2002 của Thủ tướng
Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội;*

*Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ
về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân
hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg
ngày 19/02/2002 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ
về phê duyệt Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính
quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua
Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng
chính sách khác;*

*Căn cứ Chỉ thị số 22-CT/TU ngày 05/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
về việc tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa
bàn tỉnh Thái Nguyên;*

Căn cứ Báo cáo thẩm định số ngày / /2024 của Sở Tư pháp;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày / /2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Thái Nguyên, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UB MTTQ tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- TT Thông tin tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, KT, CNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trịnh Việt Hùng

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (Viết tắt là NHCSXH) bao gồm Chi nhánh NHCSXH tỉnh Thái Nguyên và Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng áp dụng

- Ủy ban nhân dân (UBND) các cấp thuộc tỉnh Thái Nguyên;
- Các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hàng năm (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện) theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), HĐND các huyện, thành phố (đối với ngân sách cấp huyện) quyết định.

2. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 quy chế này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH các cấp

1. Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh).

2. Cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện ủy quyền cho Phòng Tài chính - Kế hoạch ký hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).

Điều 4. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác qua NHCSXH

1. Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của NHCSXH, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương, cơ quan tài chính tham mưu UBND cùng cấp trình HĐND cùng cấp quyết định kinh phí ngân sách địa phương ủy thác sang NHCSXH.

2. Hình thức cấp phát: Lệnh chi tiền.

3. Hạch toán chi ngân sách nhà nước: Theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Phân bổ nguồn vốn: Căn cứ nguồn vốn ngân sách địa phương đã ủy thác và nhu cầu vay vốn thực tế tại địa phương, NHCSXH trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp kiểm soát hồ sơ, thực hiện các thủ tục cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định.

Điều 5. Đối tượng cho vay

1. Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Các đối tượng chính sách khác tại địa phương do HĐND tỉnh quyết định (nếu có).

Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và tình hình đối tượng, nhu cầu sử dụng vốn vay thực tế của địa phương.

Điều 7. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay; quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có)

1. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay: Thực hiện theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và NHCSXH trong từng thời kỳ và thời điểm vay.

2. Quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có): Ngân hàng CSXH thực hiện các quy trình, thủ tục cho vay, đảm bảo tiền vay, điều kiện cho vay theo quy định hiện hành của NHCSXH; chịu trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát hồ sơ vay vốn, đảm bảo cho vay, đối tượng vay đúng quy định.

Điều 8. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Về thẩm quyền gia hạn nợ do NHCSXH các cấp xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: Thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

Điều 9. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

Ngân hàng Chính sách xã hội quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

1. Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính;

Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

2. Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Ngân hàng CSXH tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH cấp huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý bằng mức phí quản lý Thủ tướng chính phủ giao cho NHCSXH trong từng thời kỳ (Mức phí quản lý hiện nay là 0,225%/tháng, theo quy định tại Quyết định số 1264/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về giao mức phí quản lý của Ngân hàng CSXH trong giai đoạn 03 năm, 2022-2024). Mức chi phí quản lý của NHCSXH được thay đổi theo mức chi phí quản lý được Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH theo từng thời kỳ (Ngân hàng CSXH chủ động điều chỉnh mức phí quản lý khi Thủ tướng Chính phủ có quy định mới về mức phí quản lý). Trường hợp lãi thu được sau khi trích Quỹ dự phòng rủi ro

tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nơi nhận ủy thác.

3. Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được (được quy thành 100%) và phân phối theo tỷ lệ như sau: Trích 20% để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp của cơ quan tài chính các cấp có liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH; trích 80% để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp.

- Nội dung chi cho công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và các nội dung liên quan đến hoạt động cho vay từ nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương được thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính và Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 05/11/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên và các văn bản khác đảm bảo theo quy định.

- Chi khen thưởng cho Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH và các tập thể, cá nhân góp phần thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi trên địa bàn, Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp quyết định mức chi khen thưởng đảm bảo phù hợp theo các quy định.

4. Phần còn lại (nếu có), NHCSXH chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp bổ sung vào nguồn vốn ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định.

Điều 10. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét, xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro:

a) Đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh: Do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

b) Đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện: Do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định.

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ Dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương.

4. Trường hợp Quỹ Dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện; Cơ quan Tài chính chủ trì, phối hợp với Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp, Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp bổ sung ngân sách địa phương để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua NHCSXH.

5. Trường hợp Quỹ Dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ Dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

Việc rà soát tình hình sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện hàng năm cùng thời điểm quyết toán ngân sách.

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Ngân hàng CSXH nơi nhận ủy thác

a) Định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/7 năm báo cáo), hàng năm (trước ngày 15/01 năm sau) hoặc theo yêu cầu đột xuất, NHCSXH nơi nhận ủy thác báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay, tình hình quản lý, việc phân phối và sử dụng tiền lãi cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND cùng cấp, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác (Cơ quan Tài chính).

b) Định kỳ hàng quý, năm báo cáo Ban chấp hành Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp tình hình thực hiện nguồn vốn ủy thác ngân sách địa phương.

2. UBND cấp huyện

Định kỳ 6 tháng (trước ngày 25/7 năm báo cáo), hàng năm (trước ngày 25/01 năm sau) hoặc theo yêu cầu đột xuất của cấp có thẩm quyền, UBND cấp huyện báo cáo tình hình ủy thác ngân sách địa phương, tổng nguồn vốn, kết quả cho vay, tình hình quản lý, việc phân phối và sử dụng tiền lãi cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Cơ quan Tài chính

a) Hàng năm, căn cứ tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách địa phương, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bổ sung nguồn vốn ủy thác cho NHCSXH trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

b) Phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với cấp tỉnh) thực hiện kiểm tra tình hình và kết quả sử dụng vốn ngân sách uỷ thác; kiểm tra các đối tượng vay vốn khi cần thiết.

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, NHCSXH nơi nhận uỷ thác, báo cáo UBND cùng cấp xem xét, bổ sung nguồn vốn ngân sách địa phương để xử lý rủi ro hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ngân sách địa phương đã thực hiện uỷ thác qua NHCSXH (trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp để xử lý nợ rủi ro).

d) Chủ trì phối hợp với các cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh) và các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra việc phân phối, sử dụng số tiền lãi thu được theo Điều 9 của Quy chế này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra tình hình thực hiện, kết quả cho vay, việc phân phối và sử dụng tiền lãi cho vay từ nguồn vốn uỷ thác qua NHCSXH.

3. Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Phối hợp với cơ quan Tài chính cùng cấp, Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh) kiểm tra tình hình thực hiện, kết quả cho vay, việc phân phối và sử dụng tiền lãi cho vay từ nguồn vốn uỷ thác qua NHCSXH.

b) Chủ trì, phối hợp cùng cơ quan Tài chính thẩm định hồ sơ hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn bị rủi ro để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận uỷ thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ Tiết kiệm và Vay vốn để thực hiện uỷ thác cho vay (Theo quy định tại Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2013 của Ngân hàng chính sách xã hội ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ tiết kiệm và vay vốn).

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng uỷ thác đã ký với NHCSXH (Theo Văn bản liên tịch số 15/VBLT-NHCS-HPN-HND-HCCB-ĐTN ngày 06/01/2022 giữa Ngân hàng CSXH và Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Thái Nguyên về thực hiện uỷ thác cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác).

5. Ngân hàng CSXH nơi nhận uỷ thác

a) Thẩm định hồ sơ cho đối tượng vay vốn đảm bảo theo quy định.

b) Quản lý và sử dụng vốn ủy thác, sử dụng lãi cho vay theo đúng các quy định của pháp luật và quy định tại quy chế này.

c) Thực hiện giải ngân, thu hồi nợ; sử dụng vốn thu hồi để cho vay quay vòng đúng quy định.

d) Chủ động và phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

đ) Chủ trì tham mưu UBND cùng cấp xử lý nợ rủi ro và xử lý các đối tượng vay vốn quá hạn theo quy định.

e) Hoàn trả vốn ngân sách địa phương ủy thác khi có yêu cầu của UBND tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác), UBND cấp huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác).

f) Phối hợp với các sở, ngành có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác này cho phù hợp tình hình thực tế.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch trên cơ sở tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Phòng giao dịch NHCSXH trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

b) Chỉ đạo các cơ quan chức năng, các tổ chức chính trị - xã hội và Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện thực hiện đúng cơ chế, chính sách cho vay từ nguồn vốn ủy thác, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện để thực hiện chính sách tín dụng đối với người vay vốn trên địa bàn.

7. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

a) Chịu trách nhiệm xác nhận hồ sơ, đối tượng vay vốn.

b) Phối hợp với NHCSXH nơi cho vay, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc thu hồi nợ.

c) Xác nhận việc đề nghị của người vay đối với trường hợp xin gia hạn nợ, xử lý nợ bị rủi ro; phối hợp với các cơ quan, đơn vị cấp trên trong việc phúc tra, xác định hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

d) Phối hợp với NHCSXH nơi cho vay xử lý các đối tượng vay vốn và hộ vay quá hạn theo quy định.

8. Trách nhiệm của người vay vốn

a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích; Hoàn trả gốc, lãi vốn vay đúng thời hạn theo quy định.

c) Trường hợp các đối tượng vay vốn và hộ vay không trả nợ gốc, lãi và sử dụng vốn từ ngân sách địa phương không đúng mục đích sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Xử lý vi phạm

Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, kịp thời điều chỉnh, bổ sung theo quy định./.